

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng được thành lập theo Quyết định số 1705/QĐ-BTM ngày 07/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Sửa chữa tàu Hồng Hà - một bộ phận thuộc Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 020300035, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 22 tháng 3 năm 2011.

Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu PTS.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 16 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Trọng Thủy	Thành viên
	Ông Đào Thanh Liêm	Thành viên
	Ông Mai Thế Cung	Thành viên
	Ông Lê Thanh Hải	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Văn Hùng	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Trọng Thủy	Phó Tổng Giám đốc

Tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Nguyễn Văn Hùng

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2012

Số: /2012/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VIÊN
Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011
của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng từ trang 05 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited
Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2012

Bùi Thị Thúy
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0580/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		62.378.202.968	75.139.289.224
I- Tiền	110		5.109.681.969	2.621.404.018
1. Tiền	111	5.1	5.109.681.969	2.621.404.018
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		863.743.990	1.763.115.966
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	2.620.441.674	2.368.345.210
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	5.2	(1.756.697.684)	(605.229.244)
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33.457.555.081	31.113.934.381
1. Phải thu khách hàng	131		9.528.664.456	9.585.520.174
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	17.142.084.132	17.845.436.102
5. Các khoản phải thu khác	135	5.4	6.786.806.493	3.682.978.105
IV- Hàng tồn kho	140		21.180.380.955	37.986.773.152
1. Hàng tồn kho	141	5.5	21.180.380.955	37.986.773.152
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		1.766.840.973	1.654.061.707
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	86.567.496
2. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154	5.6	1.188.410.973	1.153.494.211
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.7	578.430.000	414.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+250+260)	200		80.340.470.948	79.922.784.738
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		42.701.000	42.701.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(42.701.000)	(42.701.000)
II Tài sản cố định	220		64.896.752.560	62.892.182.679
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	59.557.944.050	60.444.020.440
- Nguyên giá	222		91.038.847.708	84.956.469.085
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.480.903.658)	(24.512.448.645)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	5.338.808.510	2.448.162.239
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	5.262.582.924	6.386.381.556
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.362.582.924	5.786.381.556
3. Đầu tư dài hạn khác	258		900.000.000	600.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		10.181.135.464	10.644.220.503
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	9.743.886.234	10.003.545.610
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.12	429.749.230	633.174.893
3. Tài sản dài hạn khác	268		7.500.000	7.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		142.718.673.916	155.062.073.962

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		51.186.800.325	85.358.806.368
I- Nợ ngắn hạn	310		48.249.043.481	81.115.533.724
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.13	1.304.450.000	3.304.450.000
2. Phải trả người bán	312		13.397.922.533	12.163.777.258
3. Người mua trả tiền trước	313	5.14	26.658.082.140	49.990.874.829
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.15	69.348.273	900.780.291
5. Phải trả người lao động	315		3.750.228.620	6.997.112.085
6. Chi phí phải trả	316	5.16	925.338.780	24.466.233
9. Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	319	5.17	1.741.859.035	5.939.604.276
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		401.814.100	1.794.468.752
II- Nợ dài hạn	330		2.937.756.844	4.243.272.644
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.18	2.475.597.469	3.780.047.469
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		462.159.375	463.225.175
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		91.531.873.591	69.703.267.594
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.19	91.531.873.591	69.703.267.594
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		55.680.000.000	38.280.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.024.502.460	6.525.862.898
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.633.915.177	11.511.994.612
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.098.213.858	2.638.258.380
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		13.095.242.096	10.747.151.704
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		142.718.673.916	155.062.073.962

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Chỉ tiêu	TM	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
1. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		28.380.000	29.860.000

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Kim Anh

Phạm Thị Ngọc Anh

Nguyễn Văn Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		318.852.980.071	283.459.336.955
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.20	318.852.980.071	283.459.336.955
4. Giá vốn hàng bán	11	5.21	293.753.684.026	255.708.838.086
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		25.099.296.045	27.750.498.869
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.22	453.763.128	105.858.947
7. Chi phí tài chính	22	5.23	2.091.075.633	1.161.741.432
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		939.607.193	1.117.881.000
8. Chi phí bán hàng	24		3.454.541.703	2.391.840.008
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.873.139.935	11.459.368.301
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		8.134.301.902	12.843.408.075
11. Thu nhập khác	31		2.937.170.259	475.081.454
12. Chi phí khác	32		1.222.653.746	130.507.715
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.24	1.714.516.513	344.573.739
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		338.058.091	354.196.917
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		10.186.876.506	13.542.178.731
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	2.133.753.289	2.892.457.036
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.26	94.983.437	(153.538.383)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		7.958.139.780	10.803.260.078
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.27	1.515	3.104

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Kim Anh

Phạm Thị Ngọc Anh

Nguyễn Văn Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		10.186.876.506	13.542.178.731
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		7.539.250.963	6.170.472.252
- Các khoản dự phòng	03		1.151.468.440	(471.795.556)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(999.015.865)	(734.170.879)
- Chi phí lãi vay	06		939.607.193	1.117.881.000
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		18.818.187.237	19.624.565.548
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		111.414.075	(12.884.084.222)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		16.803.582.518	4.861.260.750
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(31.172.838.557)	15.888.981.973
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		188.587.447	(2.192.712.425)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(939.607.193)	(1.117.881.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.098.136.775)	(2.832.205.488)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		305.492.078	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2.671.990.079)	(1.279.233.545)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(2.655.309.249)	20.068.691.591
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.967.797.646)	(18.228.842.584)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.901.678.181	469.626.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(261.406.464)	(1.621.999.335)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	1.107.217.548
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(300.000.000)	(300.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		453.763.128	102.618.869
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(7.173.762.801)	(18.471.378.593)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		17.400.000.000	-
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		18.470.000.000	12.000.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(21.774.450.000)	(11.304.450.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.778.200.000)	(2.902.545.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		12.317.350.000	(2.206.995.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		2.488.277.951	(609.682.002)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.621.404.018	3.231.086.020
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.28	5.109.681.969	2.621.404.018

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Kim Anh

Phạm Thị Ngọc Anh

Nguyễn Văn Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B09 - DN/HN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng được thành lập theo Quyết định số 1705/QĐ-BTM ngày 07/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp sửa chữa tàu Hồng Hà - một bộ phận thuộc Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 020300035, đăng ký lần đầu ngày 25/12/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 22/3/2011. Vốn điều lệ của Công ty là 55.680.000.000 đồng

Sở hữu vốn theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

	Số cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông			
Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam	2.839.680	28.396.800.000	51,00%
Cổ đông khác	2.728.320	27.283.200.000	49,00%
Cộng	2.728.320	55.680.000.000	100%

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh vận tải, kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu;
- Sửa chữa và đóng mới phương tiện vận tải thủy, sản xuất sản phẩm cơ khí;
- Xuất nhập khẩu, mua bán vật tư, thiết bị, hàng hóa khác;
- Dịch vụ hàng hải và các dịch vụ thương mại;
- Kinh doanh, đại lý khí hóa lỏng (gas);
- Nạo vét luồng lạch, san lấp mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển nhà, kinh doanh vật liệu xây dựng, môi giới, dịch vụ nhà đất;
- Vận tải hành khách đường thủy và đường bộ;
- Kinh doanh cảng biển;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng;
- Kinh doanh kho bãi;
- Kinh doanh nhà, đất.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là kinh doanh xăng dầu, kinh doanh bất động sản, đóng mới, sửa chữa tàu và dịch vụ vận tải.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>2011</u>
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 14
Dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa và các chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản thể hiện chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 5 năm đối với sửa chữa định kỳ và 2,5 năm đối với sửa chữa giữa kỳ.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ, dụng cụ được phân ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa là 02 năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vốn chủ sở hữu và các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế (tiếp)**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập có hiệu lực tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất là 25%. Thu nhập chịu thuế được xác định căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính, Công ty tiếp tục được hưởng ưu đãi cho thời gian còn lại của các dự án đầu tư mở rộng mang lại theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh xăng dầu, vận tải thủy, kinh doanh bất động sản, dịch vụ sửa chữa tàu, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh. Chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu cho bộ phận đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1 Tiền**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	1.651.146.677	61.952.679
Tiền gửi ngân hàng	3.458.535.292	2.559.451.339
Tổng	5.109.681.969	2.621.404.018

5.2 Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		2.620.441.674		2.368.345.210
<i>Cty CP Vận tải Xăng dầu VITACO - VTO</i>	74.106	1.112.598.835	42.106	931.556.835
<i>Cty CP Vận tải và Thuê tàu-VFR</i>			-	-
<i>Cty CP bao bì PP- HBP</i>	22.300	376.098.025	22.300	376.098.025
<i>Cty CP Đầu tư Tài chính Quốc tế và Phát triển doanh nghiệp- IDJ</i>	75.000	960.250.350	75.000	960.250.350
<i>Cty CP Hoá dầu Petrolimex- PLC</i>	25	250.000	15	150.000
<i>Cty CP Vận tải Xăng dầu đường thủy Petrolimex- PJT</i>	21.650	171.244.464	10.000	100.290.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(1.756.697.684)		(605.229.244)

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Hoạt động Kinh doanh Xăng dầu, vận tải	1.091.114.020	1.727.813.002
Hoạt động dịch vụ, sửa chữa	12.324.936.734	12.225.876.734
Hoạt động Kinh doanh Bất động sản	3.726.033.378	3.891.746.366
Tổng	17.142.084.132	17.845.436.102

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN/HN

5.4 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	241.852.302	79.272.218
Công ty Cổ phần Chứng khoán- Lãi đầu tư cổ phiếu	130.301.211	18.932.603
Công ty Cổ phần Vận tải biển Sông Tranh-Tiền thiếu hàng do đâm và tàu	131.182.827	-
Phải thu của các cửa hàng xăng dầu	55.691.568	22.775.551
Phải thu của các tàu vận tải thủy (*)	4.361.433.157	2.972.409.596
Phải thu của các tàu vận tải biển (*)	1.041.044.254	375.572.666
Thuế thu nhập cá nhân	-	132.205.278
Phải thu về tiền mua cổ phiếu của TCT(**)	735.000.000	-
Phải thu khác	90.301.174	81.810.193
Tổng	6.786.806.493	3.682.978.105

(*): Là các khoản chi phí thường xuyên của tàu mà Công ty cấp cho tàu để các tàu duy trì hoạt động, chủ yếu là chi phí nhiên liệu.

(**): Là khoản tiền phải thu của CBCNV về mua cổ phiếu của Tổng Công ty.

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.338.634.748	3.209.006.442
Công cụ, dụng cụ	49.527.490	45.842.438
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.672.589.726	32.594.508.853
Hàng hoá	2.119.628.991	2.137.415.419
Tổng	21.180.380.955	37.986.773.152

5.6 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	69.384.011	1.144.564.318
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.101.377.624	-
<i>Trong đó: Thuế TNDN tạm nộp theo tiến độ nộp tiền của Dự án Đông Hải</i>	<i>178.377.075</i>	<i>-</i>
Thuế thu nhập cá nhân	15.649.338	8.929.893
Các khoản khác phải thu nhà nước	2.000.000	-
Tổng	1.188.410.973	1.153.494.211

5.7 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	575.430.000	411.000.000
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000	3.000.000
Tổng	578.430.000	414.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
Nguyên giá						
Số dư tại 01/01/2011	14.331.327.171	4.109.088.996	64.666.143.495	1.559.354.999	290.554.424	84.956.469.085
Tăng trong kỳ	1.304.532.472	949.317.627	5.225.444.720	43.853.456	-	7.523.148.275
Mua trong kỳ	25.220.000	949.317.627	462.500.000	43.853.456	-	1.480.891.083
XDCB hoàn thành	1.279.312.472	-	4.762.944.720	-	-	6.042.257.192
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	6.037.500	69.828.572	1.364.903.580	-	-	1.440.769.652
Thanh lý tài sản	6.037.500	69.828.572	1.364.903.580	-	-	1.440.769.652
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	15.629.822.143	4.988.578.051	68.526.684.635	1.603.208.455	290.554.424	91.038.847.708
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư tại 01/01/2011	2.358.846.518	2.536.060.727	19.168.853.941	382.998.612	65.688.847	24.512.448.645
Tăng trong kỳ	903.308.055	438.650.511	5.886.109.607	258.830.192	58.631.688	7.545.530.053
Khấu hao trong kỳ	903.308.055	438.650.511	5.886.109.607	252.551.102	58.631.688	7.539.250.963
Tăng khác	-	-	-	6.279.090	-	6.279.090
Giảm trong kỳ	6.037.500	76.107.662	494.929.878	-	-	577.075.040
Thanh lý tài sản	6.037.500	69.828.572	494.929.878	-	-	570.795.950
Giảm khác	-	6.279.090	-	-	-	6.279.090
Số dư tại 31/12/2011	3.256.117.073	2.898.603.576	24.560.033.670	641.828.804	124.320.535	31.480.903.658
Giá trị còn lại						
Tại 01/01/2011	11.972.480.653	1.573.028.269	45.497.289.554	1.176.356.387	224.865.577	60.444.020.440
Tại 31/12/2011	12.373.705.070	2.089.974.475	43.966.650.965	961.379.651	166.233.889	59.557.944.050

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:

9.225.109.001

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

2.499.595.165

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	2.448.162.239	2.968.270.220
Tăng trong kỳ	18.782.232.161	24.822.654.985
Giảm trong kỳ	15.891.585.890	25.342.762.966
<i>Kết chuyển tài sản cố định</i>	<i>6.354.918.864</i>	<i>16.732.480.472</i>
<i>Kết chuyển vào chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>5.661.222.251</i>	<i>5.192.832.723</i>
<i>Giảm khác</i>	<i>3.875.444.775</i>	<i>3.417.449.771</i>
Tại ngày 31 tháng 12	5.338.808.510	2.448.162.239

Chi tiết theo nội dung:

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí đóng mới xà lan, tàu	320.720.742	364.591.373
Chi phí xây dựng triển đà	6.372.967	6.372.967
Chi phí mở rộng sản xuất Công ty	852.695.797	249.848.969
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	4.159.019.004	1.827.348.930
Tổng	5.338.808.510	2.448.162.239

5.10 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào Công ty con	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000
<i>Cty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng</i>	<i>500.000</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>500.000</i>	<i>5.000.000.000</i>
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	310.000	4.657.000.000	310.000	4.657.000.000
<i>Cty CP Cảng Cửa Cấm Hải Phòng(*)</i>	<i>310.000</i>	<i>4.657.000.000</i>	<i>310.000</i>	<i>4.657.000.000</i>
Đầu tư dài hạn khác	-	900.000.000	-	600.000.000
<i>Cty CP Công trình Giao thông HP(**)</i>	<i>-</i>	<i>900.000.000</i>	<i>-</i>	<i>600.000.000</i>

(*) Chi tiết khoản góp vốn vào Công ty liên kết:

Công ty liên kết	Hoạt động chính	Tỷ lệ phần sở hữu %	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cấm Hải Phòng	Kinh doanh dịch vụ cảng biển; dịch vụ vận tải; vận tải hàng hóa thủy bộ; môi giới và đại lý hàng hải, đại lý xăng dầu, vật tư, thiết bị, cung ứng dịch vụ cho tàu, sửa chữa, gia công cơ khí, xây dựng	12,90%	4.362.582.924	5.786.381.556

Mặc dù tỷ lệ sở hữu là 12,9% nhưng do có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cấm Hải Phòng nên Công ty này được xác định là Công ty liên kết của Công ty.

(**) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2008-HTĐT ngày 16/10/2008 giữa Trường Trung cấp Nghề Giao thông Vận tải, Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Hải Phòng và Công ty Cổ phần Petrolimex Hải Phòng về việc hợp tác liên doanh thực hiện Dự án đầu tư “Xây dựng cơ sở II Trường Trung cấp Nghề Giao thông vận tải Hải Phòng” tại phường Nam Sơn, quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

5.10 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp)

Mục tiêu đầu tư: đền bù, giải phóng mặt bằng; Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và lắp đặt thiết bị, máy móc, các phương tiện kỹ thuật cần thiết khác tạo thành một cơ sở.

Tổng mức đầu tư của dự án là 86.333.900.000 đồng, chia làm 2 giai đoạn góp vốn. Giai đoạn 1 huy động 12.000.000.000 đồng để thành lập một Công ty cổ phần quản lý đầu tư và tiến hành kinh doanh, khai thác các hạng mục công trình và các hoạt động kinh doanh khác. Công ty nộp tiền góp vốn liên doanh theo thông báo của Bên tham gia hợp tác đầu tư. Tỷ lệ vốn góp theo hợp đồng hợp tác đầu tư là 25%, số tiền góp vốn đã góp tính đến thời điểm 31/12/2011 là 900.000.000 đồng.

5.11 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	10.003.545.610	7.810.833.185
Tăng trong năm	5.850.878.364	5.946.318.234
Giảm trong năm	6.110.537.740	3.753.605.809
<i>Trong đó: Phân bổ vào chi phí</i>	<i>6.039.465.811</i>	<i>3.624.876.809</i>
Tại ngày 31 tháng 12	9.743.886.234	10.003.545.610

Chi tiết theo nội dung

	31/12/2011	01/01/2010
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	635.987.524	412.026.791
Chi phí sửa chữa lớn	9.107.898.710	9.466.940.663
Chi phí khác	-	124.578.156
Tổng	9.743.886.234	10.003.545.610

5.12 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ khoản chi phí phải trả của dự án Đông Hải	-	255.985.573
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ việc phát sinh lãi của các giao dịch nội bộ	429.749.230	377.189.320
Tổng	429.749.230	633.174.893

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN/HN

5.13 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	2.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex - CN Hải Phòng	-	2.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.304.450.000	1.304.450.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex - CN Hải Phòng	604.450.000	604.450.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng	700.000.000	700.000.000
Tổng	1.304.450.000	3.304.450.000

5.14 Người mua trả tiền trước

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Hoạt động Kinh doanh Xăng dầu, vận tải	21.892	25.740.097
Hoạt động dịch vụ sửa chữa	14.629.431.448	22.500.031.000
Hoạt động Kinh doanh Bất động sản	12.028.628.800	27.465.103.732
Tổng	26.658.082.140	49.990.874.829

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	42.684.408	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.663.865	889.669.727
Thuế thu nhập cá nhân	-	11.110.564
Tổng	69.348.273	900.780.291

5.16 Chi phí phải trả

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Lãi vay phải trả	5.880.166	10.091.183
Trích trước chi phí sửa chữa lớn	-	14.375.050
Trích trước chi phí XD cơ sở hạ tầng tại Xã Đông Hải	906.958.614	-
Trích trước tiền thuê đất	12.500.000	-
Tổng	925.338.780	24.466.233

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

5. 17 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	519.495.446	948.771.886
Bảo hiểm y tế	3.851.959	13.426.370
Bảo hiểm thất nghiệp	-	156.138
Phải trả, phải nộp khác	1.218.511.630	4.977.249.882
<i>Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam</i>	<i>975.081.232</i>	<i>4.773.460.000</i>
<i>Phải trả cổ tức cho cổ đông</i>	<i>29.611.410</i>	<i>-</i>
<i>Tiền thưởng của TCT</i>	<i>17.300.000</i>	<i>17.300.000</i>
<i>Tiền thừa hàng</i>	<i>46.907.040</i>	<i>23.844.000</i>
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>149.611.948</i>	<i>162.645.882</i>
Tổng	1.741.859.035	5.939.604.276

5. 18 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	3.780.047.469	5.084.497.469
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex - CN Hải Phòng (*)	1.680.047.469	2.284.497.469
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng (**)	2.100.000.000	2.800.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.304.450.000	1.304.450.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex - CN Hải Phòng	604.450.000	604.450.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng	700.000.000	700.000.000
Tổng	2.475.597.469	3.780.047.469

(*) Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 20/HĐTD/TH-PN/PGB/HO ngày 09/06/2010 của Hội sở Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex, theo đó:

Số tiền vay	: 3.000.000.000 đồng;
Mục đích vay	: Thanh toán chi phí xây dựng Văn phòng làm việc tại 61 Ngô Quyền
Thời hạn vay	: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
Thời hạn rút vốn	: 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
Lãi suất	: quy định cụ thể từng thời kỳ (lãi suất áp dụng từ ngày giải ngân đầu tiên đến 29/12/2010 là 10,5%/năm);
Tài sản đảm bảo	: Toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai là Văn phòng làm việc 61 Ngô Quyền với giá trị tối thiểu 4.667.000.000 đồng.

(**) Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 74/HĐTD.VBHP.09 ngày 01/10/2010 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng, theo đó:

Số tiền vay	: 3.500.000.000 đồng;
Mục đích vay	: Đầu tư đóng mới tàu PTS 26;
Thời hạn vay	: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
Thời gian trả nợ gốc	: 06 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu;

5. 19 Vay và nợ dài hạn (tiếp)

Lãi suất : được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn;

Tài sản đảm bảo : Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay là 01 tàu chở dầu PTS-26 sản xuất năm 2010 với giá trị 3.770.000.000 đồng.

Phụ lục hợp đồng số 02-74/PLHĐ.HĐTD.VBHP.09 ngày 01/10/2010 về việc hỗ trợ lãi suất: mức lãi suất hỗ trợ là 4%/năm, tính trên số dư nợ vay và thời hạn cho vay thực tế nằm trong khoảng thời gian từ 01/04/2010 đến ngày 31/12/2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN/HN

5.20 Vốn chủ sở hữu**a. Biến động của vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư ngày 01/01/2010	34.800.000.000	6.024.502.460	10.543.193.625	1.939.314.386	12.645.298.719	65.952.309.190
Tăng trong năm	3.480.000.000	501.360.438	968.800.987	698.943.994	11.173.692.373	16.822.797.792
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	10.803.260.078	10.803.260.078
Phân phối lợi nhuận	-	-	673.001.511	631.791.969	-	1.304.793.480
Tăng vốn	3.480.000.000	-	-	-	-	3.480.000.000
Tăng khác	-	501.360.438	295.799.476	67.152.025	370.432.295	1.234.744.234
Giảm trong năm	-	-	-	-	13.071.839.388	13.071.839.388
Phân phối lợi nhuận vào quỹ	-	-	-	-	7.155.839.388	7.155.839.388
Chia cổ tức	-	-	-	-	5.916.000.000	5.916.000.000
Số dư ngày 31/12/2010	38.280.000.000	6.525.862.898	11.511.994.612	2.638.258.380	10.747.151.704	69.703.267.594
Số dư ngày 01/01/2011	38.280.000.000	6.525.862.898	11.511.994.612	2.638.258.380	10.747.151.704	69.703.267.594
Tăng trong kỳ	17.400.000.000	-	2.417.720.041	527.107.503	7.958.139.780	28.302.967.324
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	7.958.139.780	7.958.139.780
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.417.720.041	527.107.503	-	2.944.827.544
Tăng vốn	17.400.000.000	-	-	-	-	17.400.000.000
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	501.360.438	295.799.476	67.152.025	5.610.049.388	6.474.361.327
Phân phối lợi nhuận vào quỹ	-	-	-	-	4.626.150.052	4.626.150.052
Giảm khác	-	501.360.438	295.799.476	67.152.025	983.899.336	1.848.211.275
Số dư ngày 31/12/2011	55.680.000.000	6.024.502.460	13.633.915.177	3.098.213.858	13.095.242.096	91.531.873.591

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN/HN

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vốn của Nhà nước	28.396.800.000	19.522.800.000
Vốn góp của cổ đông khác	27.283.200.000	18.757.200.000
Tổng	55.680.000.000	38.280.000.000

c. Giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia cổ tức phân phối lợi nhuận

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	38.280.000.000	34.800.000.000
Vốn góp tăng trong năm	17.400.000.000	3.480.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	55.680.000.000	38.280.000.000
Cổ tức đã chia	-	6.382.545.000

d. Cổ phiếu

	Năm 2011	Năm 2010
	(cổ phiếu)	(cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	2.088.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.568.000	3.828.000
Cổ phiếu phổ thông	5.568.000	3.828.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.525.526	3.480.000
Cổ phiếu phổ thông	5.525.526	3.480.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	13.633.915.177	11.216.195.136
- Quỹ dự phòng tài chính	3.098.213.858	2.571.106.355
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

5. 21 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh xăng dầu	180.500.134.580	153.431.237.170
Doanh thu dịch vụ vận tải	88.456.027.251	79.186.319.070
Doanh thu sửa chữa, cải tạo, đóng mới tàu	30.507.879.877	35.093.476.070
Doanh thu kinh doanh bất động sản	19.077.233.770	13.932.020.589
Doanh thu bán vật tư	38.181.818	1.117.554.452
Doanh thu dịch vụ khác	273.522.775	698.729.604
Tổng	318.852.980.071	283.459.336.955

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

5. 22 Giá vốn hàng bán

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn kinh doanh xăng dầu	174.326.928.551	149.598.433.474
Giá vốn dịch vụ vận tải	78.541.150.378	63.736.616.857
Giá vốn sửa chữa, cải tạo, đóng mới tàu	26.248.693.977	30.612.458.992
Giá vốn kinh doanh bất động sản	14.484.957.927	9.910.522.353
Giá vốn bán vật tư	-	1.395.266.850
Giá vốn dịch vụ khác	151.953.193	455.539.560
Tổng	293.753.684.026	255.708.838.086

5. 23 Doanh thu tài chính

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	287.599.518	93.205.601
Lãi tiền gửi Công ty Chứng khoán	750.010	381.268
Cổ tức, lợi nhuận được chia	165.413.600	9.032.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	3.240.078
Tổng	453.763.128	105.858.947

5. 24 Chi phí tài chính

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí lãi vay	939.607.193	1.117.881.000
Chi phí tài chính khác	1.151.468.440	43.860.432
<i>Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn</i>	-	514.784.488
<i>Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn</i>	1.151.468.440	(471.795.556)
Chi phí tài chính khác	-	871.500
Tổng	2.091.075.633	1.161.741.432

5. 25 Lợi nhuận khác

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Thu nhập khác	2.937.170.259	475.081.454
Thu thanh lý tài sản	2.901.678.181	475.081.454
Bồi thường bảo hiểm thân tàu PTSHP01	34.931.818	-
Thu nhập khác	560.260	-
Chi phí khác	1.222.653.746	130.507.715
Phạt thuế	34.661.557	-
Phạt theo QĐ số 620/QĐ-UBCK	120.000.000	-
Chi phí thanh lý tài sản	991.228.702	43.616.762
Chi phí khác	76.763.487	86.890.953
Lợi nhuận khác	1.714.516.513	344.573.739

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

5. 26 Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.133.753.289	2.892.457.036
Tổng	2.133.753.289	2.892.457.036

5. 27 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011	Năm 2010
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	7.958.139.780	10.803.260.078
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	7.958.139.780	10.803.260.078
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.253.370	3.480.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.515	3.104

5. 28 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	65.935.924.384	69.423.172.222
Chi phí nhân công	27.569.787.777	29.396.669.732
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.539.250.963	6.170.472.252
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.602.034.384	10.404.293.030
Chi phí khác bằng tiền	16.592.836.233	13.474.379.380
Tổng	130.239.833.741	128.868.986.616

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Các giao dịch với nhân sự chủ chốt**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		Thù lao Hội đồng Quản trị và BKS	493.520.000	288.000.000
Thành viên HĐQT và Ban điều hành		Lương cho thành viên HĐQT và Ban điều hành	700.040.200	674.980.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN/HN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp)**Giao dịch với các bên liên quan**

Giao dịch mua hàng	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Công ty Xăng dầu KV I	Cùng TCT	Nhập mua hàng (Xăng dầu)	3.169.698.245	2.564.626.774
Công ty Xăng dầu KV II	Cùng TCT	Tiền thiếu hàng	2.921.065.997	1.806.923.656
Công ty Xăng dầu KV III	Cùng TCT	Nhập mua hàng (Xăng dầu)	191.310.000	458.250.000
		Nhập mua hàng (Xăng dầu)	155.818.758.827	147.438.683.072
		Tiền thiếu hàng	926.357.438	-
		Phí bảo quản XD	17.504.241	68.156.505
		Mua vật tư	790.908	14.104.536
		Mua ống cao su, thước đo dầu	-	32.681.835
Công ty Xăng dầu KV V	Cùng TCT	Nhập mua hàng (Xăng dầu)	-	2.786.515.961
Công ty Hoá chất PTN	Cùng TCT	Nhận nợ tiền hàng (chất tẩy rửa)	-	38.308.770
Cty Cổ phần Thiết Bị Xăng Dầu	Cùng TCT	Mua tài sản (cột bơm Xăng dầu)	512.230.000	486.580.000
		Mua vật tư	9.950.000	-
Công ty TNHH MTV VIPCO HP	Cùng TCT	Nhập mua hàng (XD)	7.408.593.927	386.727.270
		Cước vận chuyển	3.568.014.804	-
Công ty TNHH MTV BĐS VIPCO	Cùng TCT	CP phá dỡ, xây dựng nhà kho,	-	329.266.909
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	Cùng TCT	Nhập mua hàng (Xăng dầu)	403.979.936	211.260.072
Công ty Xăng dầu Bình Định	Cùng TCT	Nhập mua hàng (Xăng dầu)	-	551.245.000
Công ty Xăng dầu Nghệ Tĩnh	Cùng TCT	Sửa chữa hệ thống bơm	-	246.644.853
Công ty Xăng dầu Phú Thọ	Cùng TCT	Nhập mua hàng (Xăng dầu)	-	1.514.229.227
		Thiếu tiền hàng	-	30.055.740
Công ty Hoá dầu Petrolimex-CN Hải Phòng	Cùng TCT	Nhập mua hàng (Dầu nhờn)	2.613.155.143	2.665.526.090
Tổng			177.561.409.466	161.629.786.270

Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN/HN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp)**Giao dịch với các bên liên quan**

Giao dịch bán hàng	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam	Cùng TCT	Cước vận tải	71.472.554.503	65.115.655.074
Cty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	Cùng TCT	Thuê kho	22.286.400	22.286.400
Công ty Cổ phần Hoá dầu Petrolimex	Cùng TCT	Cước vận tải	2.245.538.568	1.130.200.000
Công ty TNHH Hoá chất PTN	Cùng TCT	Cước vận tải	64.045.800	278.153.891
Công ty Xăng dầu Phú Thọ	Cùng TCT	Cước vận tải	3.021.795.911	2.717.952.681
Công ty Xăng dầu Thanh Hoá	Cùng TCT	Cước vận tải	3.350.062.477	3.343.122.881
Công ty Xăng dầu Bắc Sơn	Cùng TCT	Cước vận tải	2.515.932.100	2.799.397.841
Tổng			82.692.215.759	75.406.768.768

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Các khoản phải thu		
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	712.761.603	1.950.421.736
Công ty CP Hoá dầu Petrolimex	900.000.000	123.706.000
Công ty Xăng dầu Bắc Sơn	160.358.103	-
Công ty Xăng dầu Phú Thọ	145.619.535	135.870.523
Công ty Xăng dầu Thanh Hoá	147.394.931	343.995.281
Công ty TNHH Hoá chất PTN	-	69.269.797
Tổng	2.066.134.172	2.623.263.337
Các khoản phải trả		
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	975.081.232	4.773.460.000
Công ty Xăng dầu KVI	4.884.671.026	1.964.224.422
Công ty Xăng dầu KVIII	4.275.478.984	6.790.378.243
Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	99.604.067	-
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	209.271.110	105.492.118
Công ty TNHH MTV BĐS VIPCO	18.109.680	18.109.680
Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO	-	10.000.000
Công ty Hóa dầu Petrolimex Hải Phòng	665.348.180	-
Tổng	11.127.564.279	13.661.664.463

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Bảo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**6.2 Báo cáo bộ phận****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 5 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Kinh doanh xăng dầu, kinh doanh vận tải, kinh doanh Bất động sản, dịch vụ sửa chữa tàu và lĩnh vực khác gồm có kinh doanh vật tư, cho thuê nhà, đất chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2010*Đơn vị tính: VND*

	Kinh doanh Xăng dầu	Vận tải	Kinh doanh Bất động sản	Dịch vụ sửa chữa tàu	Khác	Cộng
TÀI SẢN						
Tài sản cố định	2.049.618.522	37.444.679.549	-	4.174.673.299	2.707.338.613	46.376.309.983
Xây dựng cơ bản dở dang	97.612.350	2.350.549.889	-	-	-	2.448.162.239
Các khoản phải thu	3.586.501.283	7.267.929.662	4.290.330.366	13.675.185.924	-	28.819.947.235
Hàng tồn kho	2.137.415.419	1.613.157.996	20.574.606.704	13.661.593.033	-	37.986.773.152
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	-	-	38.797.706.460
Tổng tài sản						154.428.899.069
NỢ PHẢI TRẢ						
Các khoản phải trả	7.482.627.079	5.574.322.527	27.643.391.933	24.908.933.118	-	65.609.274.657
Phải trả tiền vay	3.304.450.000	2.100.000.000	-	-	-	5.404.450.000
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	12.550.612.959
Tổng nợ phải trả					-	83.564.337.616

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Bảo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**6.2 Báo cáo bộ phận (tiếp)**

Bảo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

	Kinh doanh Xăng dầu	Vận tải	Kinh doanh Bất động sản	Dịch vụ sửa chữa tàu	Khác	Cộng
DOANH THU						
Tổng doanh thu	124.983.334.340	79.186.319.070	13.932.020.589	35.093.476.070	1.816.284.056	255.011.434.125
Doanh thu giữa các bộ phận	28.447.902.830	-	-	-	-	28.447.902.830
Doanh thu	153.431.237.170	79.186.319.070	13.932.020.589	35.093.476.070	1.816.284.056	283.459.336.955
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG						
Kết quả bộ phận	858.955.088	8.903.447.486	3.253.232.891	1.065.492.765	(181.837.670)	13.899.290.560
Lãi tiền gửi	-	-	-	-	-	93.586.869
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	-	-	-	(450.698.698)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	(2.738.918.653)
Lợi nhuận trong năm						10.803.260.078

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Bảo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**6.2 Báo cáo bộ phận (tiếp)****Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2011***Đơn vị tính: VND*

	Kinh doanh Xăng dầu	Vận tải	Kinh doanh Bất động sản	Dịch vụ sửa chữa tàu	Khác	Cộng
TÀI SẢN						
Tài sản cố định	3.559.780.230	43.524.701.138	-	4.174.673.299	2.663.073.910	53.922.228.577
Xây dựng cơ bản dở dang	1.120.068.885	4.199.045.928	-	-	-	5.319.114.813
Các khoản phải thu	3.299.945.854	7.970.327.066	5.782.875.311	4.336.213.765	-	21.389.361.996
Hàng tồn kho	2.122.438.670	2.249.880.914	9.708.830.016	7.102.041.034	-	21.183.190.634
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	-	-	40.475.028.666
Tổng tài sản						142.288.924.686
NỢ PHẢI TRẢ						
Các khoản phải trả	5.775.827.164	6.232.610.152	12.249.508.811	17.246.646.214	-	41.504.592.341
Phải trả tiền vay	1.304.450.000	1.400.000.000	-	-	-	2.704.450.000
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	6.575.943.884
Tổng nợ phải trả						50.784.986.225

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Bảo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**6.2 Báo cáo bộ phận (tiếp)**

Bảo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

	Kinh doanh Xăng dầu	Vận tải	Kinh doanh Bất động sản	Dịch vụ sửa chữa tàu	Khác	Cộng
DOANH THU						
Tổng doanh thu	137.901.653.256	88.456.027.251	19.077.233.770	30.507.879.877	311.704.593	276.254.498.747
Doanh thu giữa các bộ phận	42.598.481.324	-	-			42.598.481.324
Doanh thu	180.500.134.580	88.456.027.251	19.077.233.770	30.507.879.877	311.704.593	318.852.980.071
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG						
Kết quả bộ phận	1.872.200.477	3.106.746.681	4.050.631.890	536.910.632	205.124.727	9.771.614.407
Lãi tiền gửi	-	-	-		-	288.349.528
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	-		-	126.912.571
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-		-	(2.228.736.726)
Lợi nhuận trong năm						7.958.139.780

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNGBáo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

8. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính hợp nhất và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. SỐ LIỆU SO SÁNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Phạm Kim Anh****Phạm Thị Ngọc Anh****Nguyễn Văn Hùng**